

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH QUẢNG TRỊ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: ~~34444~~ TTr-UBND

Quảng Trị, ngày ~~14~~ tháng 7 năm 2026

TỜ TRÌNH

Nghị quyết quy định nội dung chi, mức chi thực hiện chế độ thăm hỏi; hỗ trợ ốm đau, khó khăn; phúng viếng khi từ trần đối với cán bộ thuộc diện Bộ Chính trị, Ban Bí thư Trung ương Đảng và Ban Thường vụ Tỉnh ủy quản lý trên địa bàn tỉnh Quảng Trị

Kính gửi: Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Trị

Thực hiện quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15 được sửa đổi, bổ sung tại Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 87/2025/QH15; Ủy ban nhân dân tỉnh kính trình Hội đồng nhân dân tỉnh dự thảo Nghị quyết quy định nội dung chi, mức chi thực hiện chế độ thăm hỏi; hỗ trợ ốm đau, khó khăn; phúng viếng khi từ trần đối với cán bộ thuộc diện Bộ Chính trị, Ban Bí thư Trung ương Đảng và Ban Thường vụ Tỉnh ủy quản lý trên địa bàn tỉnh Quảng Trị như sau:

I. SỰ CẦN THIẾT BAN HÀNH NGHỊ QUYẾT

1. Cơ sở chính trị, pháp lý

- Căn cứ điểm c, d khoản 1 Điều 15 Luật Tổ chức chính quyền địa phương quy định về nhiệm vụ, quyền hạn của Hội đồng nhân dân cấp tỉnh: “c) Căn cứ vào chủ trương của Đảng, quyết định áp dụng thí điểm các chính sách đặc thù, đặc biệt, chưa được quy định trong pháp luật để thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn phù hợp với khả năng cân đối của ngân sách địa phương sau khi đã báo cáo và được Thủ tướng Chính phủ cho phép; quyết định các chế độ chi ngân sách đối với một số nhiệm vụ chỉ có tính chất đặc thù ở địa phương theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước năm 2015”; d) Ban hành Nghị quyết về những vấn đề thuộc nhiệm vụ, quyền hạn của Hội đồng nhân dân cấp mình; bãi bỏ, sửa đổi, bổ sung văn bản do mình ban hành khi xét thấy không còn phù hợp hoặc trái pháp luật;”.

- Căn cứ điểm b khoản 3 Điều 15 Luật Tổ chức chính quyền địa phương quy định về nhiệm vụ, quyền hạn của Hội đồng nhân dân cấp tỉnh: “Quyết định cơ chế, chính sách, biện pháp liên quan đến tài chính, ngân sách, đầu tư của địa phương; ...”;

- Căn cứ điểm a, c khoản 7 Điều 15 Luật Tổ chức chính quyền địa phương quy định: “a) Quyết định chính sách, biện pháp về phát triển sự nghiệp giáo dục, y tế, bảo đảm an sinh xã hội của địa phương theo quy định của pháp luật; c) Quyết định chính sách, biện pháp bảo vệ, chăm sóc sức khỏe nhân dân; bảo vệ và chăm sóc trẻ em, người

m

cao tuổi, người khuyết tật, người nghèo, trẻ mồ côi không nơi nương tựa và các đối tượng chính sách khác tại địa phương”.

- Căn cứ điểm c Khoản 1 Điều 21 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật (được sửa đổi, bổ sung tại Khoản 3 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật) Hội đồng nhân dân cấp tỉnh ban hành Nghị quyết để quy định: **“Chính sách, biện pháp nhằm phát triển kinh tế - xã hội, ngân sách, quốc phòng, an ninh ở địa phương; biện pháp khác có tính chất đặc thù phù hợp với điều kiện phát triển kinh tế - xã hội của địa phương; phân cấp và thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được phân cấp”**.

- Căn cứ điểm 1 khoản 9 Điều 31 Luật Ngân sách nhà nước quy định nhiệm vụ, quyền hạn của Hội đồng nhân dân cấp tỉnh: **“Quyết định các chế độ chi ngân sách để thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế-xã hội, an sinh xã hội, bảo đảm trật tự, an toàn xã hội trên địa bàn, phù hợp với tình hình thực tế và khả năng cân đối của ngân sách địa phương”**.

2. Cơ sở thực tiễn

Tỉnh Quảng Trị là địa phương từng gánh chịu nhiều mất mát, hy sinh và thiệt hại nặng nề do chiến tranh để lại. Sau ngày đất nước thống nhất, cùng với cả nước, đảng bộ, chính quyền, quân và Nhân dân tỉnh Quảng Trị đã không ngừng nỗ lực khắc phục hậu quả chiến tranh, tập trung xây dựng và phát triển kinh tế - xã hội, củng cố quốc phòng, an ninh, từng bước đưa tỉnh phát triển ngang tầm với các địa phương trong khu vực. Trong quá trình đó, đội ngũ cán bộ lãnh đạo thuộc diện Bộ Chính trị, Ban Bí thư Trung ương Đảng và Ban Thường vụ Tỉnh ủy quản lý là lực lượng hạt nhân, đóng vai trò nòng cốt, đặc biệt quan trọng trong công tác lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành và tổ chức thực hiện các nhiệm vụ chính trị, phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh của địa phương để tỉnh nhà phát triển như hôm nay.

Trong thời gian qua, tiếp nối truyền thống “uống nước nhớ nguồn”, đảng bộ và nhân dân tỉnh Quảng Bình và tỉnh Quảng Trị (cũ) luôn quan tâm thực hiện các hoạt động thăm hỏi, động viên, tri ân đối với các cán bộ lãnh đạo tỉnh qua từng thời kỳ, cán bộ đương nhiệm đối với những đóng góp của các đồng chí trong sự nghiệp phát triển của tỉnh. Sau khi thực hiện sắp xếp tổ chức bộ máy, đơn vị hành chính và hợp nhất tỉnh, đảng bộ, chính quyền tỉnh Quảng Trị mới tiếp tục thực hiện các chính sách thăm hỏi, động viên, tri ân đối với cán bộ đương chức, cán bộ nghỉ hưu, bao gồm thân nhân cán bộ trong các trường hợp ốm đau, từ trần, gặp hoàn cảnh khó khăn đột xuất hoặc khi nghỉ hưu, chuyển công tác. Tuy nhiên, việc thực hiện chủ yếu dựa trên các quy định nội bộ, chưa có văn bản quy định chung, thống nhất về đối tượng, nội dung hỗ trợ, mức chi và nguồn kinh phí thực hiện.

Mặt khác, sau khi sáp nhập tỉnh, số lượng cán bộ lãnh đạo của tỉnh qua từng thời kỳ và đương nhiệm thuộc diện Bộ Chính trị, Ban Bí thư Trung ương Đảng và Ban Thường vụ Tỉnh ủy quản lý trên địa bàn tỉnh tăng lên so với quy mô của một tỉnh trước

đây, vì vậy việc ban hành chính sách chung đối với các nội dung chi, mức chi cho cán bộ thuộc đối tượng trên để áp dụng thống nhất trên phạm vi toàn tỉnh là cần thiết.

Từ những cơ sở nêu trên, ngày 17/6/2026, Ban Thường vụ Tỉnh ủy đã có Thông báo số 325-TB/TU về chủ trương xây dựng chế độ, chính sách đối với cán bộ thuộc diện Bộ Chính trị, Ban Bí thư Trung ương Đảng và Ban Thường vụ Tỉnh ủy quản lý trên địa bàn tỉnh; UBND tỉnh đã có Công văn số 2933/UBND-NC ngày 17/6/2026 về việc xây dựng dự thảo Nghị quyết của HĐND tỉnh quy định chế độ, chính sách đối với cán bộ thuộc diện Bộ Chính trị, Ban Bí thư Trung ương Đảng và Ban Thường vụ Tỉnh ủy quản lý nhằm tạo cơ sở pháp lý thống nhất cho việc tổ chức thực hiện; bảo đảm tính công khai, minh bạch; đồng thời thể hiện sự quan tâm của tỉnh đối với đội ngũ cán bộ lãnh đạo, quản lý; góp phần ổn định tổ chức bộ máy, nâng cao hiệu lực, hiệu quả hoạt động của hệ thống chính trị và phù hợp khả năng cân đối ngân sách của tỉnh.

Chủ trương ban hành Nghị quyết đã được Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua tại Công văn số 366/TTHĐND-VHXXH ngày 29/6/2026.

II. MỤC ĐÍCH BAN HÀNH, QUAN ĐIỂM XÂY DỰNG DỰ THẢO NGHỊ QUYẾT

1. Mục đích ban hành Nghị quyết

- Quy định cụ thể đối tượng, nội dung và mức chi để tạo cơ sở pháp lý thống nhất trong tổ chức thực hiện và bố trí kinh phí đối với các chế độ: thăm hỏi nhân dịp Tết nguyên đán đối với cán bộ đã nghỉ hưu; thăm hỏi, tặng quà tri ân đối với cán bộ nghỉ hưu hoặc chuyển công tác; thăm hỏi khi ốm đau, khó khăn đột xuất; tổ chức phúng viếng khi từ trần đối với cán bộ, thân nhân cán bộ thuộc diện Bộ Chính trị, Ban Bí thư Trung ương Đảng và Ban Thường vụ Tỉnh ủy quản lý.

- Tiếp nối truyền thống tốt đẹp, thể hiện sự quan tâm của Đảng bộ, quân và dân tỉnh Quảng Trị trong việc ghi nhận, tri ân sự đóng góp của đội ngũ cán bộ lãnh đạo, quản lý qua các thời kỳ đối với sự nghiệp xây dựng và phát triển tỉnh Quảng Trị.

- Động viên, khích lệ đội ngũ cán bộ đương nhiệm tiếp tục phát huy tinh thần trách nhiệm, hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao.

2. Quan điểm xây dựng dự thảo Nghị quyết

- Bảo đảm phù hợp với chủ trương của Đảng, chính sách và pháp luật của Nhà nước; tuân thủ đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục ban hành văn bản quy phạm pháp luật, bảo đảm tính hợp hiến, hợp pháp, thống nhất của hệ thống pháp luật, đồng thời phù hợp với yêu cầu quản lý nhà nước trong giai đoạn hiện nay.

- Xuất phát từ điều kiện thực tiễn của tỉnh Quảng Trị, bảo đảm tính khả thi trong quá trình tổ chức thực hiện, phù hợp với khả năng cân đối ngân sách địa phương.

- Quy định cụ thể, rõ ràng về nội dung và mức chi, bảo đảm thuận lợi trong áp dụng, quản lý và kiểm tra, giám sát.

- Bảo đảm công khai, minh bạch, đúng đối tượng.

III. QUÁ TRÌNH XÂY DỰNG DỰ THẢO NGHỊ QUYẾT

1. Ngày 17/6/2026, UBND tỉnh đã có Công văn số 2933/UBND-NC giao Sở Nội vụ chủ trì, phối hợp với Sở Tài chính, Ban Tổ chức tỉnh uỷ và các cơ quan, đơn vị liên quan Dự thảo Nghị quyết quy định chế độ, chính sách đối với cán bộ thuộc diện Bộ Chính trị, Ban Bí thư Trung ương Đảng và Ban Thường vụ Tỉnh uỷ quản lý trên địa bàn tỉnh Quảng Trị.

2. Căn cứ chỉ đạo của UBND tỉnh, ngày 20/6/2026, Sở Nội vụ đã có Công văn số 3106/SNV-CBCCVC đăng ký xây dựng văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân tỉnh, nội dung Nghị quyết quy định nội dung chi, mức chi thực hiện chế độ thăm hỏi nhân dịp lễ, tết, chuyển công tác, nghỉ hưu; hỗ trợ ốm đau, khó khăn; viếng khi từ trần đối với cán bộ thuộc diện Bộ Chính trị, Ban Bí thư Trung ương Đảng và Ban Thường vụ Tỉnh uỷ quản lý trên địa bàn tỉnh Quảng Trị. Căn cứ đề nghị của Sở Nội vụ, UBND tỉnh đã có Tờ trình số 3034/TTr-UBND ngày 23/6/2026 báo cáo Thường trực HĐND xin chủ trương xây dựng văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân tỉnh và được Thường trực HĐND tỉnh thống nhất chủ trương tại Công văn số 366/TTHĐND-VHXXH ngày 29/6/2026.

3. Căn cứ chủ trương của Thường trực HĐND tỉnh, UBND tỉnh đã chỉ đạo Sở Nội vụ xây dựng hồ sơ dự thảo Nghị quyết, lấy ý kiến của các cơ quan, đơn vị có liên quan, gồm: Ban Tổ chức Tỉnh uỷ (trong đó, đề nghị Ban Tổ chức Tỉnh uỷ báo cáo, xin ý kiến của Ban Thường vụ Tỉnh uỷ), Sở Tài chính, Sở Khoa học và Công nghệ từ ngày 22/6/2026 đến ngày 26/6/2026¹; hoàn thiện hồ sơ gửi Sở Tư pháp thẩm định; công bố trên Cổng thông tin điện tử tỉnh và tổng hợp, nghiên cứu tiếp thu các ý kiến để hoàn thiện hồ sơ dự thảo Nghị quyết, trong đó đối với tên gọi của Nghị quyết đề nghị điều chỉnh thành “*Nghị quyết quy định nội dung chi, mức chi thực hiện chế độ thăm hỏi; hỗ trợ ốm đau, khó khăn; phúng viếng khi từ trần đối với cán bộ thuộc diện Bộ Chính trị, Ban Bí thư Trung ương Đảng và Ban Thường vụ Tỉnh uỷ quản lý trên địa bàn tỉnh Quảng Trị*” để bảo đảm phù hợp với nội dung Nghị quyết.

IV. BỐ CỤC VÀ NỘI DUNG CƠ BẢN CỦA DỰ THẢO NGHỊ QUYẾT

1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

1.1 Phạm vi điều chỉnh

Quy định nội dung chi, mức chi thực hiện chế độ thăm hỏi; hỗ trợ ốm đau, khó khăn; phúng viếng khi từ trần đối với cán bộ thuộc diện Bộ Chính trị, Ban Bí thư Trung ương Đảng và Ban Thường vụ Tỉnh uỷ quản lý trên địa bàn tỉnh Quảng Trị.

1.2 Đối tượng áp dụng

¹ Công văn số 3145/SNV-CBCCVC ngày 22/6/2026 của Sở Nội vụ.

Áp dụng thống nhất đối với cán bộ lãnh đạo qua các thời kỳ đã nghỉ hưu của tỉnh Quảng Bình, tỉnh Quảng Trị (cũ) trước khi sắp xếp, tỉnh Quảng Trị (mới) sau sắp xếp và đương nhiệm (*không bao gồm những người đã bị kỷ luật bằng hình thức cách chức*), cụ thể:

a) Đối tượng 1:

Cán bộ thuộc diện Bộ Chính trị, Ban Bí thư quản lý, gồm:

Ủy viên Ban Chấp hành Trung ương Đảng (bao gồm cả chính thức và dự khuyết), Bí thư Tỉnh ủy; Phó Bí thư Tỉnh ủy, Chủ tịch Hội đồng nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, Trưởng đoàn Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh và các chức danh tương đương.

b) Đối tượng 2:

Cán bộ thuộc diện Ban Thường vụ Tỉnh ủy quản lý, gồm:

Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân tỉnh, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh, Phó Trưởng Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh và các chức danh tương đương.

c) Đối tượng 3:

Ủy viên Ban chấp hành Đảng bộ tỉnh; cấp trưởng các cơ quan tham mưu, giúp việc, đơn vị sự nghiệp cấp ủy cấp tỉnh; cấp trưởng các cơ quan chuyên môn, tổ chức hành chính khác thuộc ủy ban nhân dân tỉnh; cấp trưởng các ban chuyên môn của HĐND, chánh văn phòng đoàn đại biểu Quốc hội và hội đồng nhân dân tỉnh; Chỉ huy trưởng, Chính ủy Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh; Giám đốc Công an tỉnh; cấp trưởng các cơ quan ngành dọc Trung ương quản lý sinh hoạt đảng đóng trên địa bàn tỉnh; chủ tịch Hội đồng quản trị, chủ tịch công ty, tổng giám đốc, giám đốc các doanh nghiệp nhà nước trực thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh; Phó Chủ tịch Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam là trưởng tổ chức chính trị - xã hội cấp tỉnh; Trưởng các tổ chức chính trị - xã hội (trước ngày 01/7/2025) và các chức danh tương đương.

d) Đối tượng 4:

Cấp phó các cơ quan tham mưu, giúp việc, đơn vị sự nghiệp cấp ủy cấp tỉnh; phó các cơ quan chuyên môn, tổ chức hành chính khác thuộc UBND tỉnh; phó các ban chuyên môn của HĐND tỉnh, Phó Chánh Văn phòng Đoàn đại biểu Quốc hội và HĐND tỉnh; Phó Bí thư chuyên trách Đảng bộ các cơ quan Đảng tỉnh, Đảng bộ UBND tỉnh; Bí thư các Đảng ủy trực thuộc Tỉnh ủy (trước 01/7/2025); Phó Chỉ huy trưởng, Phó Chính ủy Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh; phó Giám đốc Công an tỉnh; cấp phó các cơ quan ngành dọc Trung ương quản lý sinh hoạt đảng đóng trên địa bàn tỉnh; phó giám đốc các doanh nghiệp nhà nước trực thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh; Phó Chủ tịch Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, cấp phó các tổ chức chính trị - xã hội tỉnh; Chủ tịch Hội: Chữ thập đỏ tỉnh, Hội Văn học nghệ thuật tỉnh, Liên minh hợp tác xã tỉnh; Bí thư đảng ủy xã,

phường, đặc khu; Bí thư Huyện ủy, Thành ủy, Thị ủy (trước ngày 01/7/2025) và các chức danh tương đương.

e) Đối tượng 5:

Ủy viên Ủy ban kiểm tra Tỉnh ủy; Phó Bí thư đảng ủy, Chủ tịch HĐND, Chủ tịch UBND xã, phường, đặc khu; Phó Bí thư, Chủ tịch HĐND, Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố, Phó Bí thư các Đảng ủy trực thuộc Tỉnh ủy (trước 01/7/2025) và các chức danh tương đương.

f) Đối tượng 6:

Ủy viên Ban Thường vụ Huyện ủy, Phó Chủ tịch HĐND, Phó Chủ tịch UBND cấp huyện và các chức danh tương đương (trước ngày 01/7/2025).

g) Đối tượng 7:

Thân nhân cán bộ bao gồm: Bố, mẹ đẻ; bố mẹ vợ hoặc chồng; người nuôi dưỡng của bản thân, của vợ hoặc chồng theo xác nhận của cấp có thẩm quyền; vợ hoặc chồng; con đẻ, con nuôi.

2. Bộ cục của dự thảo Nghị quyết

Dự thảo Nghị quyết gồm 07 Điều:

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh;

Điều 2. Đối tượng áp dụng;

Điều 3. Nguyên tắc thực hiện;

Điều 4. Các nội dung chi, mức chi;

Điều 5. Nguồn kinh phí thực hiện;

Điều 6. Tổ chức thực hiện;

Điều 7. Hiệu lực thi hành.

3. Nội dung cơ bản

Nghị quyết quy định nội dung chi, mức chi đối với:

- Chi thăm hỏi, tặng quà khi cán bộ nghỉ hưu, chuyển công tác;
- Chi thăm hỏi nhân dịp Tết nguyên đán đối với cán bộ đã nghỉ hưu;
- Chi thăm hỏi khi cán bộ và thân nhân cán bộ đau ốm;
- Chi hỗ trợ khó khăn đột xuất đối với cán bộ khi mắc bệnh hiểm nghèo, gặp tai nạn rủi ro phải điều trị dài ngày hoặc mất khả năng công tác, lao động;
- Viếng cán bộ và thân nhân cán bộ khi từ trần.

Các nội dung chi và mức chi được xây dựng, kế thừa trên cơ sở các nội dung chi và mức chi tại Quy định số 14-QĐ/TU ngày 27/4/2018 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy

Quảng Bình về chế độ tặng quà lưu niệm cho cán bộ khi chuyển công tác, khi nghỉ hưu; chế độ thăm khi ốm, viếng khi từ trần; trợ cấp khó khăn đột xuất đối với cán bộ và thân nhân của cán bộ thuộc diện Bộ Chính trị, Ban Bí thư và Ban Thường vụ Tỉnh ủy quản lý; Quy định số 1739-QĐ/TU ngày 22/10/2024 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy Quảng Trị (cũ) về một số chế độ, chính sách đối với cán bộ diện Bộ Chính trị, Ban Bí thư Trung ương Đảng, Ban Thường vụ Tỉnh ủy quản lý và người có công với cách mạng, không phát sinh nội dung chi mới so với thực tế các năm vừa qua và phù hợp với khả năng cân đối ngân sách của tỉnh.

V. NHỮNG NỘI DUNG BỔ SUNG MỚI SO VỚI DỰ THẢO VĂN BẢN GỬI THẨM ĐỊNH (Nếu có)*

VI. DỰ KIẾN NGUỒN LỰC, ĐIỀU KIỆN ĐẢM BẢO CHO VIỆC THỰC HIỆN NGHỊ QUYẾT VÀ THỜI GIAN TRÌNH THÔNG QUA/BAN HÀNH

1. Dự kiến nguồn lực, điều kiện bảo đảm cho việc thi hành văn bản

Kinh phí thực hiện Nghị quyết do ngân sách địa phương bảo đảm và được bố trí trong dự toán ngân sách hằng năm theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước.

Theo kết quả đánh giá thực trạng quan hệ xã hội liên quan đến dự thảo Nghị quyết, tổng nhu cầu kinh phí thực hiện dự kiến khoảng 4,307 triệu đồng/năm, mức chi đối với các nội dung tùy theo đối tượng được quy định cụ thể tại Nghị quyết. Tổng kinh phí theo các nội dung chi như sau:

a. Chi thăm hỏi, tặng quà khi cán bộ nghỉ hưu, chuyển công tác:

Tổng số cán bộ đang đương nhiệm thuộc phạm vi điều chỉnh của Nghị quyết là 518 người. Dự kiến số lượng nghỉ hưu, chuyển công tác ra ngoài Đảng bộ tỉnh phát sinh hằng năm khoảng 16 trường hợp.

Kinh phí thực hiện dự kiến khoảng 102 triệu đồng/năm.

b. Chi thăm hỏi, lễ tết đối với cán bộ đã nghỉ hưu

Tổng số cán bộ đã nghỉ hưu thuộc phạm vi điều chỉnh của Nghị quyết là 1.065 người. Kinh phí thực hiện dự kiến khoảng 2.747,5 triệu đồng/năm.

c. Chi thăm hỏi khi cán bộ và thân nhân cán bộ đau ốm²

Tổng số cán bộ đã nghỉ hưu và đang đương nhiệm là 1.583 người; kinh phí dự kiến thực hiện khoảng 857 triệu đồng/năm.

² Mức kinh phí chi thăm hỏi khi cán bộ và thân nhân cán bộ đau ốm; chi hỗ trợ khó khăn đột xuất đối với cán bộ khi mắc bệnh hiểm nghèo, gặp tai nạn rủi ro phải điều trị dài ngày hoặc mất khả năng công tác, lao động; viếng cán bộ và thân nhân cán bộ khi từ trần được dự kiến trên cơ sở mức kinh phí chi trong năm 2025.

d. Chi hỗ trợ khó khăn đột xuất đối với cán bộ khi mắc bệnh hiểm nghèo, gặp tai nạn rủi ro phải điều trị dài ngày hoặc mất khả năng công tác, lao động

Kinh phí thực hiện chính sách dự kiến khoảng 365 triệu đồng/năm.

e. Viếng cán bộ và thân nhân cán bộ khi từ trần

Kinh phí thực hiện chính sách dự kiến khoảng 235,5 triệu đồng/năm.

2. Thời gian trình Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua

Tại kỳ họp thường lệ giữa năm 2026 của Hội đồng nhân dân tỉnh khóa IX.

Trên đây là Tờ trình về dự thảo Nghị quyết quy định nội dung chi, mức chi thực hiện chế độ thăm hỏi; hỗ trợ ốm đau, khó khăn; phúng viếng khi từ trần đối với cán bộ thuộc diện Bộ Chính trị, Ban Bí thư Trung ương Đảng và Ban Thường vụ Tỉnh ủy quản lý trên địa bàn tỉnh Quảng Trị, Ủy ban nhân dân tỉnh kính trình Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét, quyết định.

Hồ sơ gửi kèm theo:

1. Dự thảo Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh;
2. Báo cáo đánh giá thực trạng quan hệ xã hội liên quan đến dự thảo Nghị quyết;
3. Bản thuyết minh nội dung dự thảo Nghị quyết;
4. Báo cáo thẩm định; báo cáo tiếp thu, giải trình ý kiến thẩm định; Báo cáo tổng hợp, tiếp thu, giải trình ý kiến góp ý.
5. Các tài liệu có liên quan. /

Nơi nhận:

- Như trên;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Thường trực UBND tỉnh;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Văn phòng: Tỉnh ủy, Đoàn ĐBQH&HĐND tỉnh;
- Ban: Văn hoá - Xã hội, Pháp chế HĐND tỉnh;
- Các Sở: Tài chính, Tư pháp, Nội vụ;
- CVP, PCVP UBND tỉnh;
- Lưu: VT, NC. 

**TM.ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Lê Văn Bảo

Số: /2026/NQ-HĐND

Quảng Trị, ngày tháng năm 2026

NGHỊ QUYẾT

Quy định nội dung chi, mức chi thực hiện chế độ thăm hỏi; hỗ trợ ốm đau, khó khăn; phúng viếng khi từ trần đối với cán bộ thuộc diện Bộ Chính trị, Ban Bí thư Trung ương Đảng và Ban Thường vụ Tỉnh ủy quản lý trên địa bàn tỉnh Quảng Trị

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 87/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước số 89/2025/QH15;

Căn cứ Nghị quyết số 73/2026/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Xét Tờ trình số/TTr-UBND ngày tháng năm 2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc đề nghị thông qua ban hành Nghị quyết quy định nội dung chi, mức chi thực hiện chế độ thăm hỏi; hỗ trợ ốm đau, khó khăn; phúng viếng khi từ trần đối với cán bộ thuộc diện Bộ Chính trị, Ban Bí thư Trung ương Đảng và Ban Thường vụ Tỉnh ủy quản lý trên địa bàn tỉnh Quảng Trị; Báo cáo thẩm tra của Ban Văn hóa - Xã hội, Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp;

Hội đồng nhân dân ban hành Nghị quyết quy định nội dung chi, mức chi thực hiện chế độ thăm hỏi; hỗ trợ ốm đau, khó khăn; phúng viếng khi từ trần đối với cán bộ thuộc diện Bộ Chính trị, Ban Bí thư Trung ương Đảng và Ban Thường vụ Tỉnh ủy quản lý trên địa bàn tỉnh Quảng Trị.

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị quyết quy định nội dung chi, mức chi thực hiện chế độ thăm hỏi; hỗ trợ ốm đau, khó khăn; phúng viếng khi từ trần đối với cán bộ thuộc diện Bộ Chính trị, Ban Bí thư Trung ương Đảng và Ban Thường vụ Tỉnh ủy quản lý trên địa bàn tỉnh Quảng Trị.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Ủy viên Ban Chấp hành Trung ương Đảng (bao gồm cả chính thức và dự khuyết), Bí thư Tỉnh ủy; Phó Bí thư Tỉnh ủy, Chủ tịch Hội đồng nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, Trưởng đoàn Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh và các chức danh tương đương (sau đây gọi tắt là đối tượng 1).

2. Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân tỉnh, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh, Phó Trưởng Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh và các chức danh tương đương (*sau đây gọi tắt là đối tượng 2*)

3. Ủy viên Ban chấp hành Đảng bộ tỉnh; cấp trưởng các cơ quan tham mưu, giúp việc, đơn vị sự nghiệp cấp ủy cấp tỉnh; cấp trưởng cơ quan chuyên môn, tổ chức hành chính khác thuộc ủy ban nhân dân tỉnh; cấp trưởng các ban chuyên môn của HĐND, chánh văn phòng đoàn đại biểu Quốc hội và hội đồng nhân dân tỉnh; Chỉ huy trưởng, Chính ủy Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh; Giám đốc Công an tỉnh; cấp trưởng các cơ quan ngành dọc Trung ương quản lý sinh hoạt đảng đóng trên địa bàn tỉnh; chủ tịch Hội đồng quản trị, chủ tịch công ty, tổng giám đốc, giám đốc các doanh nghiệp nhà nước trực thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh; Phó Chủ tịch Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam là trưởng tổ chức chính trị - xã hội cấp tỉnh; Trưởng các tổ chức chính trị - xã hội (trước ngày 01/7/2025) và các chức danh tương đương (*sau đây gọi tắt là đối tượng 3*).

4. Cấp phó các cơ quan tham mưu, giúp việc, đơn vị sự nghiệp cấp ủy cấp tỉnh; phó các cơ quan chuyên môn, tổ chức hành chính khác thuộc UBND tỉnh; phó các ban chuyên môn của HĐND tỉnh, Phó Chánh Văn phòng Đoàn đại biểu Quốc hội và HĐND tỉnh; Phó Bí thư chuyên trách Đảng bộ các cơ quan Đảng tỉnh, Đảng bộ UBND tỉnh; Bí thư các Đảng ủy trực thuộc Tỉnh ủy (trước 01/7/2025); Phó Chỉ huy trưởng, Phó Chính ủy Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh; phó Giám đốc Công an tỉnh; cấp phó các cơ quan ngành dọc Trung ương quản lý sinh hoạt đảng đóng trên địa bàn tỉnh; phó giám đốc các doanh nghiệp nhà nước trực thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh; Phó Chủ tịch Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, cấp phó các tổ chức chính trị - xã hội tỉnh; Chủ tịch Hội: Chữ thập đỏ tỉnh, Hội Văn học nghệ thuật tỉnh, Liên minh hợp tác xã tỉnh; Bí thư đảng ủy xã, phường, đặc khu; Bí thư Huyện ủy, Thành ủy, Thị ủy (trước ngày 01/7/2025) và các chức danh tương đương (*sau đây gọi tắt là đối tượng 4*).

5. Ủy viên Ủy ban kiểm tra Tỉnh ủy; Phó Bí thư đảng ủy, Chủ tịch HĐND, Chủ tịch UBND xã, phường, đặc khu; Phó Bí thư, Chủ tịch HĐND, Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố, Phó Bí thư các Đảng ủy trực thuộc Tỉnh ủy (trước 01/7/2025) và các chức danh tương đương (*sau đây gọi tắt là đối tượng 5*).

6. Ủy viên Ban Thường vụ Huyện ủy, Phó Chủ tịch HĐND, Phó Chủ tịch UBND cấp huyện và các chức danh tương đương (trước ngày 01/7/2025) (*sau đây gọi tắt là đối tượng 6*).

7. Thân nhân cán bộ bao gồm: Bố, mẹ đẻ; bố mẹ vợ hoặc chồng; người nuôi dưỡng của bản thân, của vợ hoặc chồng theo xác nhận của cấp có thẩm quyền; vợ hoặc chồng; con đẻ, con nuôi (*sau đây gọi tắt là đối tượng 7*).

8. Các cơ quan, đơn vị, cá nhân có liên quan đến việc thực hiện các chính sách hỗ trợ theo nghị quyết này.

Điều 3. Nguyên tắc thực hiện

1. Căn cứ phân cấp quản lý cán bộ thuộc diện Bộ Chính trị, Ban Bí thư Trung ương Đảng và Ban Thường vụ Tỉnh ủy quản lý để thực hiện các nội dung chi, mức chi.

2. Áp dụng thống nhất các nội dung chi và mức chi tại Nghị quyết đối với cán bộ lãnh đạo qua các thời kỳ đã nghỉ hưu của tỉnh Quảng Bình, tỉnh Quảng Trị (cũ) trước khi sắp xếp, tỉnh Quảng Trị (mới) sau sắp xếp và cán bộ đương nhiệm theo các chức danh thuộc các đối tượng 1, 2, 3, 4 và 5 của Nghị quyết. Riêng nội dung chi thăm hỏi, lễ tết chỉ áp dụng đối với cán bộ lãnh đạo đã nghỉ hưu.

3. Cán bộ có nhiều chức danh thuộc các đối tượng 1,2,3,4,5,6 quy định tại Điều 2 Nghị quyết chỉ áp dụng chế độ đối với chức danh cao nhất. Đối với cán bộ đã nghỉ hưu, áp dụng theo chức danh đang giữ tại thời điểm có quyết định nghỉ hưu.

4. Chế độ thăm hỏi khi cán bộ và thân nhân cán bộ đau ốm thực hiện không quá 02 lần/người/năm.

5. Các chế độ quy định tại Nghị quyết (bao gồm chế độ đối với cán bộ và thân nhân cán bộ) không áp dụng đối với cán bộ đã bị kỷ luật bằng hình thức cách chức.

Điều 4. Các nội dung chi, mức chi

1. Chi thăm hỏi, tặng quà khi cán bộ nghỉ hưu, chuyển công tác

Cán bộ thuộc các đối tượng 1, 2, 3, 4 và 5 khi nghỉ hưu hoặc chuyển công tác ra ngoài Đảng bộ tỉnh được thăm hỏi, tặng quà (bao gồm tiền mặt và quà lưu niệm) với mức chi:

- a) Đối tượng 1: 10.000.000 đồng/người;
- b) Đối tượng 2: 8.000.000 đồng/người;
- c) Đối tượng 3: 7.000.000 đồng/người;
- d) Đối tượng 4: 6.000.000 đồng/người;
- e) Đối tượng 5: 5.000.000 đồng/người.

2. Chi thăm hỏi nhân dịp tết Nguyên đán đối với cán bộ đã nghỉ hưu

Cán bộ đã nghỉ hưu được tặng quà nhân dịp Tết Nguyên đán, mỗi suất quà bao gồm hiện vật trị giá 700.000 đồng và tiền mặt với mức sau:

- a) Đối tượng 1 và 2: 2.500.000 đồng/người;
- b) Đối tượng 3 và 4: 2.000.000 đồng/người;
- c) Đối tượng 5 và đối tượng 6: 1.500.000 đồng/người;

3. Chi thăm hỏi khi cán bộ và thân nhân cán bộ đau ốm

a) Cán bộ khi điều trị tại bệnh viện từ 15 ngày trở lên được thăm hỏi với mức sau:

Đối tượng 1: 4.000.000 đồng/người/lần;

Đối tượng 2: 3.500.000 đồng/người/lần;

Đối tượng 3: 3.000.000 đồng/người/lần;

Đối tượng 4: 2.500.000 đồng/người/lần;

Đối tượng 5: 2.000.000 đồng/người/lần;

Đối tượng 6: 1.500.000 đồng/người/lần;

b) Thân nhân cán bộ (đối tượng 7) điều trị tại bệnh viện từ 15 ngày trở lên được thăm hỏi với mức sau:

Thân nhân cán bộ thuộc đối tượng 1,2,3: 2.000.000 đồng/người/lần;

Thân nhân cán bộ thuộc đối tượng 4,5,6: 1.000.000 đồng/người/lần.

4. Chi hỗ trợ khó khăn đột xuất đối với cán bộ khi mắc bệnh hiểm nghèo, gặp tai nạn rủi ro phải điều trị dài ngày hoặc mất khả năng công tác, lao động

Cán bộ mắc bệnh hiểm nghèo theo danh mục bệnh hiểm nghèo của Bộ Y tế, tai nạn rủi ro nghiêm trọng phải điều trị dài ngày dẫn đến suy giảm khả năng lao động hoặc mất khả năng lao động được xem xét hỗ trợ một lần, mức hỗ trợ như sau:

Đối tượng 1: 35.000.000 đồng/người;

Đối tượng 2: 30.000.000 đồng/người;

Đối tượng 3: 25.000.000 đồng/người;

Đối tượng 4: 20.000.000 đồng/người;

Đối tượng 5: 15.000.000 đồng/người;

Đối tượng 6: 10.000.000 đồng/người.

6. Phúng viếng cán bộ và thân nhân cán bộ từ trần

Lễ phúng viếng cán bộ và thân nhân cán bộ khi từ trần gồm 01 vòng hoa, dải băng đen (tối đa 1.000.000 đồng/lễ viếng), kèm theo tiền phúng viếng với mức sau:

a) Đối với cán bộ:

Đối tượng 1: 4.000.000 đồng/người;

Đối tượng 2: 3.500.000 đồng/người;

Đối tượng 3: 3.000.000 đồng/người;

Đối tượng 4: 2.500.000 đồng/người;

Đối tượng 5: 2.000.000 đồng/người;

Đối tượng 6: 1.500.000 đồng/người;

b) Đối với thân nhân cán bộ (đối tượng 7):

Thân nhân của cán bộ thuộc đối tượng 1, 2 và 3: 2.000.000 đồng/người;

Thân nhân của cán bộ thuộc đối tượng 4, 5 và 6: 1.000.000 đồng/người.

Điều 5. Nguồn kinh phí thực hiện

Kinh phí thực hiện Nghị quyết do ngân sách tỉnh bảo đảm bảo đảm và được bố trí trong dự toán ngân sách hằng năm theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước.

Điều 6. Tổ chức thực hiện

1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết theo thẩm quyền.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân, Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh phối hợp Ban Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Điều 7. Hiệu lực thi hành

1. Nghị quyết này có hiệu lực kể từ ngày ... tháng ... năm 2026.

Nghị quyết này được Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Trị khóa IX, Kỳ họp thứ 4 thông qua ngày ... tháng ... năm 2026./.

Nơi nhận:

- UBND Quốc hội, Chính phủ;
- Bộ Nội vụ;
- Cục Kiểm tra văn bản và TCTHPL- Bộ Tư pháp;
- TTTU, TT HĐND, UBND, UBMTTQVN tỉnh;
- Đoàn ĐBQH tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Văn phòng: Tỉnh ủy, Đoàn ĐBQH&HĐND;
- Các sở, ngành, đoàn thể cấp tỉnh;
- TT HĐND, UBND cấp xã;
- Báo và PT-TH Quảng Trị;
- Trung tâm Điều hành thông tin tỉnh;
- Lưu: VT, CTHĐND.

CHỦ TỊCH

Nguyễn Đăng Quang